



**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**  
151/18 Trần Hoàng Na, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ



**TÀI LIỆU**  
**PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**THƯỜNG NIÊN 2020**

*Tp. Cần Thơ, tháng 06 năm 2020*



## PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

Ngày 09/06/2020

Thời gian	Nội dung	Thời lượng
14h00 - 14h15	Đón tiếp đại biểu và quý cổ đông	15 phút
14h15 - 14h25	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	10 phút
14h25 - 14h28	Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông	3 phút
14h28 - 14h35	Thông báo nội quy phiên họp Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký phiên họp	7 phút
14h35 - 14h45	Chào mừng quý cổ đông và khai mạc phiên họp ĐHĐCĐ. Thông qua Chương trình nghị sự của phiên họp. Bầu Ban kiểm phiếu.	10 phút
14h45 - 15h10	Tờ trình thông qua điều chỉnh kế hoạch 2019; Báo cáo về kết quả kinh doanh năm 2019 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020	25 phút
15h10- 15h20	Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2019, kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2020	10 phút
15h20 – 15h30	Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2019, kế hoạch, định hướng hoạt động năm 2020 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC 2020	10 phút
15h30 - 15h45	Giải lao	15 phút
15h45 - 15h55	Báo cáo tài chính năm 2019, Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận 2019, KH phân phối lợi nhuận 2020	10 phút
15h55 - 16h00	Báo cáo lương thưởng, thù lao và lợi ích khác của HĐQT, BKS và BGĐ năm 2019 và kế hoạch năm 2020	5 phút
16h00 - 16h10	Tờ trình thông qua nội dung ủy quyền của ĐHĐCĐ cho HĐQT phê duyệt chiến lược phát triển Công ty đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035	10 phút
16h10 – 16h25	Ban kiểm phiếu hướng dẫn cách bỏ phiếu, Cổ đông hoàn tất phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, Ban kiểm phiếu tổng hợp phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu	15 phút
16h25 - 16h40	Đại hội tiếp tục thảo luận	15 phút
16h40– 16h50	Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình	10 phút
16h50 - 17h00	Thông qua Biên bản, nghị quyết đại hội và bế mạc	10 phút

## MỤC LỤC

PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020.....	2
Phần 1 – NỘI QUY PHIÊN HỌP VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU .....	3
Phần 2A - TỜ TRÌNH THÔNG QUA ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019 .....	6
Phần 2B - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020 .....	8
Phần 3 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
Phần 4- BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN .....	22
Phần 5 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 .....	27
Phần 6 - TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	35
Phần 7 - BÁO CÁO LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020.....	38
Phần 8 - TỜ TRÌNH THÔNG QUA NỘI DUNG ỦY QUYỀN CỦA ĐHĐCĐ CHO HĐQT PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035 .....	39

PHÂN CHIA TÀI SẢN

## **Phần 1 – NỘI QUY PHIÊN HỌP VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU**

Bản Nội quy phiên họp và Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu này được áp dụng tại phiên họp thường niên năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PSW) với các mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành phiên họp.

### **I. TRẬT TỰ CỦA PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

1. Tất cả các cổ đông đến dự họp ăn mặc nghiêm túc, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông dự họp tại bàn tiếp đón.
2. Ban tổ chức ưu tiên sắp xếp chỗ ngồi, phát tài liệu, in phiếu biểu quyết cho cổ đông có xác nhận tham dự họp và đến đúng giờ.
3. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
4. Không hút thuốc lá trong Hội trường.
5. Không nói chuyện riêng, không nói chuyện điện thoại trong phiên họp. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ rung, không đổ chuông.

### **II. TRÌNH TỰ DIỄN BIẾN PHIÊN HỌP**

Ngay sau khi Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra và xác định số lượng cổ đông có mặt thỏa mãn điều kiện để tổ chức phiên họp, thủ tục khai mạc phiên họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCD) được tiến hành ngay.

1. **Giới thiệu nội quy, thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký.**
2. **Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội phát biểu chào mừng quý vị cổ đông đến dự họp.**
3. **Thông qua Chương trình nghị sự, bầu Ban kiểm phiếu.**  
ĐHĐCD biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay.
4. **Báo cáo trước Đại hội những nội dung của phiên họp.**  
Theo nội dung chương trình nghị sự được thông qua.
5. **Thảo luận về nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.**

Sau khi Ban lãnh đạo PSW báo cáo Đại hội các nội dung phiên họp, Đoàn chủ tịch tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, nghe ý kiến của ĐHĐCD và giải đáp thắc mắc, theo nguyên tắc và cách thức sau đây:

- Phiên thảo luận sẽ được tiến hành tập trung sau khi báo cáo, nội dung của Đại hội được trình bày.
- Cổ đông có ý kiến phát biểu tại phiên họp cần điền nội dung câu hỏi vào phiếu ý kiến (do ban tổ chức phiên họp ĐHĐCD cung cấp), gửi cho Ban thư ký để tổng hợp gửi lên Đoàn chủ tịch. Ngoài ra, tài liệu phiên họp được PSW đăng tải trên website theo địa chỉ <http://www.psw.vn>. đề nghị cổ đông nghiên cứu trước và chuẩn bị câu hỏi, gửi trước cho ban tổ chức Đại hội.
- Các cổ đông yêu cầu và Đoàn chủ tịch trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình đại hội và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông. Chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn thì Đoàn chủ tịch sẽ tổng hợp và trả lời chung. Không trả lời trực tiếp và giải thích các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn chi tiết mang tính chất phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.



- Các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung phiên họp ĐHĐCĐ, sẽ được ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của PSW.
- Các câu hỏi không kịp trả lời trong phiên họp do thời gian có hạn cũng sẽ được trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên Website của PSW.

### **III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI PHIÊN HỌP**

#### **1. Nguyên tắc**

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của phiên họp ĐHĐCĐ đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông khi vào dự họp được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi các thông tin theo quy định, các nội dung đề nghị biểu quyết, (có in mã vạch để phục vụ việc kiểm phiếu bằng công nghệ thông tin).

#### **2. Cách biểu quyết**

Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) từng vấn đề bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết, sau đó chuyển lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

#### **3. Thời điểm biểu quyết**

Ngay sau khi kết thúc các nội dung biểu quyết, các cổ đông chuyển Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức. Trong quá trình họp, các cổ đông có thể biểu quyết trước các nội dung và chuyển Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

#### **4. Kiểm phiếu**

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên do Đoàn Chủ tịch đề xuất và được ĐHĐCĐ thông qua. Ban kiểm phiếu tiến hành công việc thu phiếu, kiểm phiếu với sự trợ giúp của tổ giúp việc ĐHĐCĐ. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, tờ trình của phiên họp ĐHĐCĐ.

Trong trường hợp cần thiết, Đoàn Chủ tịch sẽ mời đại diện quý vị cổ đông dự họp để tham gia giám sát quá trình thu phiếu và kiểm phiếu biểu quyết với Ban kiểm phiếu.

### **IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN**

1. Điều khiển phiên họp theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn các cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của phiên họp ĐHĐCĐ và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình họp ĐHĐCĐ.

### **V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ**

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến phiên họp ĐHĐCĐ và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại phiên họp.
2. Tập hợp văn bản ý kiến của cổ đông trình Đoàn chủ tịch.
3. Soạn thảo Biên bản họp ĐHĐCĐ và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại phiên họp.

### **VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU**

1. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết.
2. Phát phiếu và thu phiếu biểu quyết, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết về các vấn đề thông qua tại phiên họp.

3. Nhanh chóng thông báo cho Đoàn chủ tịch và Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
4. Xem xét và báo cáo với ĐHĐCĐ quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ hoặc đơn từ khiếu nại về biểu quyết.

Trên đây là Nội quy phiên họp và Thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu của phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của PSW.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Phạm Quý Hiền**



## Phần 2A - TỜ TRÌNH THÔNG QUA ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần phân bón và hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PSW) đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 29/12/2010 và sửa đổi bổ sung ngày 12/04/2018;

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, tổ chức ngày 11/04/2019. ĐHĐCĐ đã thống nhất thông qua các chỉ tiêu cơ bản về kế hoạch kinh doanh năm 2019. Tuy nhiên năm 2019, tình hình kinh tế nói chung gặp nhiều khó khăn, các doanh nghiệp kinh doanh phân bón nói riêng cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ từ môi trường kinh tế xã hội, thị trường phân bón cạnh tranh gay gắt.

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế cũng như cân nhắc lợi ích của PSW và cổ đông. Hội đồng quản trị PSW kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019, cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2019 (tại NQ chấp thuận số 02/NQ- TNB)	KH 2019 điều chỉnh
A	B	C	1	2
<b>I</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	<b>Tấn</b>	<b>305.000</b>	<b>229.544</b>
1	Ure Phú Mỹ	Tấn	200.000	160.000
2	NPK Phú Mỹ TCT SX	<b>Tấn</b>	<b>30.000</b>	<b>8.000</b>
3	Phân bón thương hiệu Phú Mỹ do TCT nhập khẩu	<b>Tấn</b>	<b>75.000</b>	<b>30.281</b>
4	Phân bón tự doanh của đơn vị	"		31.264
<b>II</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2.357,57</b>	<b>1.764,43</b>
1	Ure Phú Mỹ	"	1.406,00	1.111,33
2	NPK Phú Mỹ TCT SX		295,80	75,98
3	Phân bón thương hiệu Phú Mỹ do TCT nhập khẩu	"	635,58	251,67
4	Phân bón tự doanh của đơn vị	"	-	307,02
5	Hoạt động tài chính	"	5,00	3,25
6	Dịch vụ và khác	"	15,19	15,19
<b>III</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2.343,51</b>	<b>1.757,11</b>
1	Giá vốn	"	<b>2.287,80</b>	<b>1.706,67</b>
2	Giá vốn từ kinh doanh phân bón		2.273,80	1.695,74
3	Chi phí quản lý	"	21,86	19,94
4	Chi phí bán hàng	"	33,85	30,42
5	Chi phí khác/chi phí tài chính	Tỷ đồng		0,09
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>14,06</b>	<b>7,32</b>
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>11,25</b>	<b>5,86</b>
<b>VI</b>	<b>Các chỉ tiêu tài chính</b>			

2467  
TỶ  
AN  
HỒ  
KHÍ  
BỘ  
CÁN

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2019 (tại NQ chấp thuận số 02/NQ- TNB)	KH 2019 điều chỉnh
1	Tổng tài sản		340,73	281,19
2	Vốn chủ sở hữu		201,82	199,13
3	Tỷ suất lợi nhuận			
4	Lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	8,27%	4,31%
5	Lợi nhuận trước thuế/VCSH	%	6,97%	3,68%
6	<b>Thuế và các khoản phải nộp NSNN</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>5,37</b>	<b>4,04</b>
	Thuế TNDN	"	2,81	1,46
	Các loại thuế và phí khác	"	2,56	2,58
7	<b>Trích lập các quỹ</b>		<b>2,25</b>	<b>1,17</b>
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% LNST)		2,25	1,17
8	<b>Tỷ lệ chi cổ tức</b>	%	6,00	5,00
9	<b>Lao động và thu nhập</b>			
	Số lao động cuối kỳ	Người	69	65
	Số lao động bình quân	Người	69	65
	Năng suất lao động bình quân (tính theo doanh thu)	Trđ/ng/th	2.847,30	2.270

Các nội dung khác của kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty giữ nguyên theo Nghị quyết số 02/NQ-TNB ngày 22/02/2019 của HĐQT Công ty như đã công bố tại Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 11/04/2019.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Quý Hiên**



## **Phần 2B - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020**

### **PHẦN I BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2019**

#### **I. Tổng quan về thị trường phân bón năm 2019**

Nhìn chung, bức tranh hoạt động ngành nông nghiệp và phân bón năm 2019 tương đối ảm đạm. Thị trường nông sản trong nước điều đứng, hàng hóa nông sản xuất khẩu gặp nhiều khó khăn do đầu ra bị kiểm soát chất lượng, nguồn gốc, giá giảm, ảnh hưởng trực tiếp khu vực ĐBSCL đối với lúa gạo và trái cây. Nguồn vốn tái đầu tư của bà con nông dân không có do sản xuất, canh tác không hiệu quả, thậm chí lỗ, ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu phân bón, và khả năng trả nợ cho nhà cung cấp. Nguồn cung phân bón các loại lớn hơn cầu, đặc biệt thị trường ĐBSCL, nơi có nhà máy ĐCM hoạt động ổn định, các nhà máy NPK trộn ba màu chất lượng thấp, giá thành rẻ, đã khuấy đảo thị trường và cộng thêm thói quen mua hàng giá rẻ của bà con nông dân. Giá phân bón thế giới, trong nước liên tục giảm từ tháng 10/2018 và cho đến thời điểm này tiếp tục xu hướng giảm, khác so với các năm trước đây có lúc lên, lúc xuống. Hoạt động kinh doanh trong năm 2019 của PSW nói riêng và các đơn vị sản xuất, kinh doanh phân bón trong nước nói chung đã chịu ảnh hưởng không nhỏ từ bức tranh thị trường và mùa vụ như trên.

#### **II. Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2019**

##### **1. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019**

###### **1.1. Thuận lợi**

- Công ty nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao từ cổ đông lớn PVFCCo.
- Sự quyết tâm của tập thể lãnh đạo và CBCNV Công ty.
- Vẫn tiếp tục nhận được sự hợp tác tốt từ hầu hết các Đại lý trong HTPP.
- Thương hiệu Phú Mỹ vẫn tiếp tục được bà con nông dân và khách hàng tin tưởng.

###### **1.2. Khó khăn**

- Diện tích gieo sạ vụ lúa Thu Đông 2019 tại ĐBSCL giảm, bằng 86% cùng kỳ năm trước, do giá lúa vụ Đông Xuân 2018-2019 và Hè Thu 2019 giảm mạnh, ảnh hưởng nhiều đến khả năng tái đầu tư sản xuất của nông dân.
- Một số ĐL lớn khu vực không còn mặn mà, hoạt động cầm chừng, do không có người kế nghiệp, kinh doanh phân bón vốn lớn, tỷ suất lợi nhuận thấp, nên chuyển hướng đầu tư hoặc giảm qui mô kinh doanh phân bón, trong đó có Phú Mỹ.
- Thị phần ure hạt đục tại các vùng lúa khu vực ĐBSCL tiếp tục tăng do lợi thế từ tính tiện dụng khi phối trộn với các loại phân đơn khác và dùng máy phun phân.
- Cuộc chiến giành giật thị phần NPK tại khu vực ngày càng diễn biến phức tạp. Các nhà máy sản xuất NPK trộn 3-4 hạt tiếp tục chi phối và chiếm lĩnh thị trường do giá thành thấp, chất lượng và giá bán linh hoạt, chính sách và lợi nhuận cho NPP hấp dẫn, đồng thời phù hợp thói quen ưa dùng hàng giá rẻ của bà con khu vực. Các thương hiệu mạnh đã có thị trường như Việt Nhật, Bình Điền, Baconco, Yara tiếp tục củng cố, giữ thị phần; các thương hiệu mới như NPK Cà Mau, NPK Hàn Việt và nguồn nhập khẩu từ Nga, Hàn Quốc, đặc biệt từ Trung Quốc với nhiều dòng công thức hàm lượng cao, đa dạng nhãn/thương hiệu, với nhiều chính sách hấp dẫn để chiếm lĩnh thị phần đã làm thị trường NPK cao cấp càng trở nên phân mảnh và cạnh tranh quyết liệt hơn.

- Nhà máy Đạm Phú Mỹ bảo dưỡng và sửa chữa lớn lâu hơn nhiều với kế hoạch, làm thiếu hụt nghiêm trọng nguồn cung ngay tại thời điểm chính vụ Hè Thu (từ tháng 3-5) của khu vực ĐBSCL. Giá bán ĐPM (từ tháng 2-6) cao hơn nhiều so với giá các loại Ure khác trên thị trường (trung bình 9 tháng đầu năm giá ure Phú Mỹ cao hơn Cà Mau 214 đồng/kg, hơn ure nhập khẩu 428 đồng/kg).
- Phương thức giao nhận ĐPM tại nhà máy đã làm ảnh hưởng đến việc kiểm soát luồng hàng và khả năng giải phóng hàng chậm hơn.
- Nhà máy NPK Phú Mỹ mới đi vào vận hành, chất lượng sản phẩm tốt nhưng hình thức sản phẩm đang giai đoạn hoàn thiện nên khi đưa ra thị trường chưa được đại lý/cửa hàng/nông dân đón nhận.
- Giá bán Kali Phú Mỹ miểng trong nhiều tháng đầu năm cao (hơn 150-200 đ/kg), không cạnh tranh được với sản phẩm khác, làm mất cơ hội bán hàng.

### 1.3. **Đánh giá chung về kết quả SXKD**

Mặc dù có rất nhiều yếu tố khó khăn khách quan nêu trên, Ban giám đốc đã chủ động triển khai nhiều giải pháp, tập trung mọi nguồn lực, linh hoạt trong kinh doanh, chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ CSKH. Hoạt động kinh doanh năm 2019 đạt kết quả như sau:

- Tổng sản lượng: tiêu thụ 235.222 tấn, đạt 102,47% kế hoạch năm 2019 điều chỉnh.
  - Tổng doanh thu: thực hiện 1.797,15 tỷ đồng, đạt 101,85% kế hoạch năm 2019 điều chỉnh.
  - Lợi nhuận trước thuế: thực hiện 7,50 tỷ đồng, đạt 102,49% kế hoạch năm 2019 điều chỉnh.
- ⇒ Nhìn chung, kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính năm 2019 hoàn thành kế hoạch điều chỉnh đề ra.

### 1.4. **Thuyết minh, phân tích cụ thể kết quả SXKD**

Hiện nay, ngành phân bón thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang đối mặt với rất nhiều khó khăn: cung vượt cầu và nhu cầu đang bão hòa, do ảnh hưởng xấu của thời tiết, thiên tai, diện tích gieo trồng giảm dần, giá nguyên liệu đầu vào cao và giá phân không tăng tương ứng làm biên lợi nhuận ngày càng giảm dần, cạnh tranh với phân bón nhập khẩu ngày càng gay gắt. Trước tình hình khó khăn chung nêu trên, Công ty PSW không thể tránh khỏi những khó khăn chung đó, Ban giám đốc đã chủ động triển khai nhiều giải pháp, tập trung mọi nguồn lực, linh hoạt trong kinh doanh, chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp hàng hóa, dịch vụ CSKH để giảm thiểu tối đa những tác động trên và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp hết mức có thể, tình hình cụ thể như sau:

- + Sản lượng tiêu thụ: Sản lượng tiêu thụ năm 2019 giảm so với kế hoạch được duyệt từ đầu năm 2019, đặc biệt là các mặt hàng Phú Mỹ. Trong đó, Ure PM giảm do nhà máy bảo dưỡng thời gian dài so với dự kiến, Kali PM, DAP PM giảm do những khó khăn phân tích nêu trên.
- + Doanh thu thực hiện: Tổng doanh thu thực hiện năm 2019 giảm so với kế hoạch được duyệt từ đầu năm 2019. Trong đó, doanh thu từ kinh doanh phân bón giảm do tác động từ sản lượng giảm, doanh thu tài chính giảm do tình hình kinh doanh trong năm 2019 gặp nhiều khó khăn, lượng tiền nhàn rỗi ít, hiệu ứng thu hồi công nợ từ nông dân gặp khó khăn, doanh thu từ dịch vụ và khác giảm do từ tháng 4/2019, PSW không còn phát sinh dịch vụ thu hộ các chi phí dịch vụ bốc xếp, lưu kho, kiểm đếm, giao nhận đối với mặt hàng Ure PM.



+ Lợi nhuận trước thuế:

Lợi nhuận trước thuế năm 2019 giảm so với kế hoạch được duyệt từ đầu năm 2019 do ảnh hưởng từ việc giảm sản lượng các mặt hàng; biên lãi gộp bình quân một số mặt hàng Phú Mỹ bình quân giảm so với lập kế hoạch từ ban đầu do mức cạnh tranh ngày càng lớn.

## **2. Kết quả thực hiện các công tác khác**

### **2.1 Công tác quản trị**

- Tuân theo hệ thống quản trị và HTQLCL ISO9001:2018 của PSW đã được thiết lập và cải tiến hàng năm, đảm bảo công tác quản trị, quản lý, điều hành ngày càng tốt hơn.
- Đối với hoạt động trong Ban giám đốc đã thực hiện đúng nguyên tắc Thủ trưởng. Tập thể Ban giám đốc là một tập thể đoàn kết, năng động, làm việc chuyên nghiệp với tinh thần trách nhiệm cao. Ban giám đốc đã phân công nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng, cụ thể cho từng thành viên trong Ban giám đốc, nên việc điều hành Công ty hiệu quả hơn, phát huy hết khả năng nội tại của từng thành viên.
- Ban giám đốc đã tổ chức triển khai tốt các nghị quyết của HĐQT, mang lại hiệu quả cao nhất cho PSW trong năm 2019.
- Ban giám đốc luôn tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, quy chế, quy định trong hoạt động của Công ty.
- Ban giám đốc đã chủ động xây dựng mới cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động, công cụ quản lý theo chuẩn mực; thực hiện công tác đào tạo nội bộ, đào tạo nhóm làm việc để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu SXKD. Kết quả ban đầu là tích cực, khả quan, tuy nhiên cần triển khai đồng bộ, có hệ thống và duy trì liên tục.
- Ban giám đốc đã chỉ đạo xây dựng, đề xuất và ban hành các quy chế, quy trình, quy định phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế trong kinh doanh, đảm bảo hành lang pháp lý để xử lý công việc ngày càng hiệu quả, đáp ứng môi trường kinh doanh thay đổi và ngày càng cạnh tranh khốc liệt.
- Ban giám đốc đã chủ động thực hiện đẩy mạnh công tác thị trường, xây dựng hệ thống phân phối CHBL xuống sát nông dân, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh Phú Mỹ, PSW với khách hàng và bà con nông dân trong khu vực.
- Ban giám đốc đã chủ động triển khai nhiều giải pháp, tập trung mọi nguồn lực, linh hoạt trong kinh doanh, chú trọng nâng cao chất lượng cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

### **2.2 Công tác tổ chức, nhân sự và đào tạo**

- Công tác tổ chức được rà soát chặt chẽ, các phòng ban chức năng được tổ chức lại vừa tinh gọn vừa hiệu quả, nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh ngày càng cạnh tranh gay gắt.
- Nhiệm vụ các phòng chuyên môn được hoàn thiện và bổ sung để đáp ứng phù hợp với yêu cầu đổi mới của Công ty. Công ty đã chuẩn hóa và cụ thể từng vị trí công tác thông qua các bảng mô tả chức danh, mô tả công việc sau tái cấu trúc. Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống Quy trình, Quy chế, Quy định phù hợp sau tái cơ cấu các phòng chức năng, đảm bảo hành lang pháp lý cho xử lý công việc.
- Công tác nhân sự được thực hiện theo đúng kế hoạch định biên lao động được phê duyệt. Công ty thường xuyên rà soát, bố trí, điều chuyển nhân sự tại các đơn vị trực thuộc, phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, với nhu cầu phát triển của tổ chức.
- Nhằm khuyến khích CBNV làm tốt nhiệm vụ công việc được giao và nhận được thù lao tương xứng với đóng góp của mình, Công ty đã tiếp tục thực hiện và hoàn thiện

đánh giá năng lực CBCNV theo khung năng lực và từ điển năng lực; tiếp tục áp dụng đánh giá kết quả thực hiện công việc theo hệ thống KPIs.

- Công tác đào tạo năm 2019 bám sát yêu cầu công việc, phù hợp với điều kiện của cá nhân, đề xuất đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Thực hiện công tác đào tạo nội bộ, đào tạo nhóm làm việc để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu SXKD. Triển khai đào tạo trong năm 13 khóa cho 159 lượt người với kinh phí khoảng 55 triệu đồng, đạt 151,4% kế hoạch lượt đào tạo và 36,5% kế hoạch kinh phí đào tạo năm 2019. Trong đó, triển khai 6 khóa đào tạo nội bộ cho 66 lượt người.

### **2.3 Công tác phát triển hệ thống phân phối**

- Trong năm 2019, PSW đã tiếp tục rà soát, lựa chọn hệ thống đại lý/cửa hàng và phân loại theo hướng chất lượng, không xung đột lợi ích để tập trung các chính sách chăm sóc khách hàng; Triển khai chính sách bán hàng năm 2019 đến các Đại lý cấp 1. HTPP hiện tại bao gồm 15 đại lý cấp 1, 27 nông trường, cửa hàng, hộ tiêu thụ trực tiếp mua hàng của Công ty và hơn 2.000 cửa hàng thông qua hệ thống đại lý cấp 1 tham gia tiêu thụ các sản phẩm phân bón Phú Mỹ, trong đó có khoảng 509 cửa hàng tham gia hệ thống phân phối NPK Phú Mỹ (tăng 109 CH so với năm 2018).
- Công tác kinh doanh ngày càng đổi mới, linh hoạt nhằm đáp ứng môi trường kinh doanh đã thay đổi và ngày càng cạnh tranh gay gắt, cụ thể: (i) Đa dạng hóa bộ sản phẩm phân bón; (ii) Áp dụng nhiều hình thức marketing mới, hấp dẫn; (iii) Xây dựng chính sách bán hàng đa dạng, linh hoạt và ngày càng hoàn thiện; (iv) Dịch vụ logistic, sau bán hàng, chăm sóc khách hàng ngày càng được chú trọng, nâng cao chất lượng.
- Thực hiện tốt vai trò cánh tay nối dài của PVFCCo tại thị trường Tây Nam Bộ, cung cấp cho thị trường và bà con nông dân những sản phẩm phân bón chất lượng và giá cả hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập của bà con nông dân ĐBSCL.

### **2.4 Công tác Tiếp thị Truyền thông và hậu mãi**

Công ty đã phối hợp với BKD; NCPT & TT - PVFCCo và trực tiếp triển khai các hoạt động TTTT để hỗ trợ bán hàng trong năm 2019 như sau:

- Tổ chức 74 cuộc Hội thảo nông dân; 189 cuộc Họp nhóm nông dân.
- Tặng 32 tấn phân bón cho nông dân sử dụng thử.
- Tổ chức các cuộc hội nghị, họp mặt chăm sóc khách hàng tại địa phương hoặc bằng hình thức du lịch (Đà Lạt, Hạ Long).
- Thực hiện chương trình quảng cáo trên Đài phát thanh của 46 huyện tại 11 tỉnh ĐBSCL với 690 lần phát sóng.
- Tặng Voucher vàng dành cho các ĐL/CH tiêu thụ NPK đạt mốc sản lượng.
- Truyền thông quảng bá thương hiệu trên các báo: báo Năng lượng, báo Nông nghiệp.
- Công ty đã xây dựng nhiều chương trình quà tặng khuyến mãi riêng cho từng sản phẩm là nhu yếu phẩm, vật dụng thiết yếu hoặc dụng cụ hỗ trợ nông dân trong canh tác (đường, nước rửa chén, thau rải phân, nón bảo hiểm, áo thun, bình đá, dù ngoài trời...).
- Công ty đã xây dựng các chính sách khuyến mãi hướng đến hệ thống Cửa hàng để gia tăng sự gắn kết giữa Công ty và Cửa hàng.
- Thực hiện chăm sóc khách hàng như: Tặng hoa, quà... trong ngày sinh nhật của khách hàng, QTPN 8/3, ngày lễ Tết, khai trương...



## **2.5 Hoạt động khai thác dịch vụ kho cảng**

- Trong năm 2019, PSW không ngừng tìm kiếm các khách hàng có nhu cầu sử dụng các dịch vụ Kho cảng từ nhiều kênh khác nhau. Nhờ vậy, sản lượng khai thác hàng dịch vụ qua kho cả năm 2019 đạt trên 34.800 tấn, hoàn thành vượt mức kế hoạch năm, chủ yếu là kho Tiền Giang và An Giang, với doanh thu khai thác đạt hơn 3,2 tỷ, hoàn thành vượt mức kế hoạch, đã góp phần gia tăng hiệu quả sử dụng các kho đang quản lý.

## **2.6 Công tác tài chính**

- Trong năm 2019, Công ty đã ban hành các hạn mức công nợ, hạn mức hàng tồn kho, hàng gửi kho; kế hoạch dòng tiền để tăng cường quản trị rủi ro và quản trị chi phí. Công tác kiểm soát chi phí quản lý và chi phí bán hàng được thực hiện tốt.
- Trong năm 2019, Công ty chủ động sắp xếp nguồn vốn phục vụ công tác kinh doanh hợp lý và khai thác tối ưu.

## **2.7 Công tác kế hoạch**

- Ban giám đốc luôn bám sát nhiệm vụ HĐQT, ĐHĐCĐ giao phó, Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2019 điều chỉnh. Trong đó, đã chỉ đạo công tác xây dựng kế hoạch, triển khai nhiều giải pháp mới, sáng tạo trong hoạt động quản lý, hoạt động kinh doanh, đồng thời nâng cao quản lý chi phí hiệu quả giúp tiết giảm chi phí giá vốn, chi phí quản lý bán hàng, góp phần quan trọng cho việc đảm bảo kết quả lợi nhuận theo kế hoạch trong bối cảnh thị trường phân bón cạnh tranh khốc liệt.
- Ban giám đốc luôn bám sát KH được HĐQT giao 2019 để đôn đốc, kiểm tra các Phòng chức năng trong quá trình thực hiện, kịp thời đưa ra các giải pháp xử lý hiệu quả và tối ưu.

## **2.8 Công tác đầu tư, mua sắm và nghiên cứu phát triển**

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới: Công tác nghiên cứu phát triển trong năm 2019 vẫn chủ yếu với hoạt động thử nghiệm 9 mẫu thực nghiệm ủ nước thải bùn nuôi tôm với vỏ trấu, phân gà và chế phẩm vi sinh AZ 70 của công ty Nhật Hanagokoro và kinh doanh thử nghiệm sản phẩm mới hữu cơ, khoáng.
- Đầu tư mua sắm: Trong năm, Công ty triển khai các gói mua sắm phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh với tổng giá trị 2,48 tỷ đồng/ kế hoạch 3,14 tỷ đồng, đạt 79% kế hoạch PSW chỉ thực hiện mua mới các TTB làm việc khi bị hư hỏng nặng hoặc đáp ứng nhu cầu phát sinh cấp thiết cho công việc. Đối với các TTB đã hết khấu hao mà vẫn còn sử dụng được, PSW không triển khai mua mới.

## **2.9 Thực hành tiết kiệm chống lãng phí**

Trong bối cảnh thị trường kinh doanh phân bón ngày càng khốc liệt, Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ thị đến tất cả phòng/đơn vị trong Công ty thực hiện nghiêm túc việc tiết giảm chi phí trong tất cả các khâu hoạt động của PSW nhằm tiết giảm chi phí giúp gia tăng lợi nhuận cho Công ty. Kết quả trong năm 2019, chi phí QL&BH của PSW đạt 93,34% so với kế hoạch chi phí năm.

## **3. Đánh giá những tồn tại trong năm 2019**

- Kết quả hoạt động SXKD ngày càng khó khăn, do: (i) thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt với sự gia nhập ngành của các đơn vị mạnh; (ii) thị trường phân bón thế giới, trong nước diễn biến nhanh, nhiều rủi ro và liên tục giảm trong năm; (iii) giá cả nông sản thấp so với mặt bằng chung khu vực và biến động mạnh; (iv) diễn biến thời tiết bất thường.

- Trình độ, năng lực của một số cán bộ, nhân viên còn hạn chế so với chuẩn năng lực; một số CBCNV thiếu năng động, sáng tạo trong triển khai thực hiện nhiệm vụ và chưa thích nghi được với những thay đổi trong công tác quản lý, điều hành để phù hợp hơn với những đòi hỏi của thị trường trong giai đoạn hiện nay.
- Việc triển khai chiến lược phát triển của Công ty, đặc biệt là mảng đầu tư phát triển chưa đạt kết quả đề ra, do: (i) hoạt động đầu tư, phát triển trong giai đoạn vừa qua được xét duyệt thận trọng, và phải đảm bảo được yêu cầu bắt buộc về an toàn, hiệu quả; (ii) sự cạnh tranh lớn trong ngành dẫn đến cơ hội cho các dự án mới gia nhập ngành gặp khó khăn về tính hiệu quả, rủi ro cao; (iii) thủ tục triển khai dự án đối với công ty có vốn nhà nước phức tạp, mất nhiều thời gian, bỏ lỡ cơ hội; (iv) việc cấp phép cho các dự án sản xuất phân bón, đặc biệt là phân bón hữu cơ (gây ô nhiễm về mùi, nước thải, ...) không được các địa phương khuyến khích.

#### 4. Tổng hợp thực hiện các chỉ tiêu cơ bản

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2019 điều chỉnh	Thực hiện cả năm 2019	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	Tỷ lệ thực hiện/thực hiện năm 2018
<b>I</b>	<b>Sản lượng kinh doanh</b>	<b>Tấn</b>	<b>229.544</b>	<b>235.222</b>	<b>102,47%</b>	<b>78,65%</b>
1	- Ure Phú Mỹ	Tấn	160.000	160.382	100,24%	78,59%
2	- NPK PM (NMSX)		8.000	8.648	108,09%	104,62%
3	- Kinh doanh các sản phẩm tự doanh	Tấn	61.544	66.192	107,55%	76,31%
3.1	Phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ	Tấn	30.281	33.325	110,05%	53,85%
	- Kali Phú Mỹ	Tấn	25.000	28.860	115,44%	70,80%
	- DAP Phú Mỹ	Tấn	4.000	2.641	66,03%	21,44%
	- NPK Phú Mỹ	Tấn	1.281	1.824	142,43%	20,72%
3.2	- Các loại phân bón khác	Tấn	31.264	32.867	105,13%	132,24%
<b>II</b>	<b>Tổng doanh thu (thuần)</b>	<b>Tỷ VNĐ</b>	<b>1.764,43</b>	<b>1.797,15</b>	<b>101,85%</b>	<b>78,22%</b>
<b>III</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Tỷ VNĐ</b>	<b>1.757,11</b>	<b>1.789,65</b>	<b>101,85%</b>	<b>78,36%</b>
1	Giá vốn	Tỷ VNĐ	1.706,67	1.742,35	102,09%	78,06%
2	Chi phí QL BH	Tỷ VNĐ	50,35	47,00	93,34%	92,63%
3	Chi phí khác/chi phí tài chính	Tỷ VNĐ	0,09	0,30	328,32%	33,53%
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ VNĐ</b>	<b>7,32</b>	<b>7,50</b>	<b>102,49%</b>	<b>54,54%</b>
<b>V</b>	<b>Các chỉ tiêu đầu tư</b>	<b>Tỷ VNĐ</b>				
<b>1</b>	<b>Giá trị thực hiện đầu tư</b>	<b>Tỷ VNĐ</b>	<b>3,14</b>	<b>2,48</b>	<b>79,03%</b>	<b>108,28%</b>
	Trong đó: - Đầu tư XDCB	Tỷ VNĐ	-	-		-
	- MSTs, TTB	Tỷ VNĐ	3,14	2,48	79,03%	308,89%
<b>VI</b>	<b>Tiết kiệm chống lãng phí</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1,34</b>	<b>1,53</b>	<b>114,04%</b>	<b>95,21%</b>
	Từ CPQL		1,34	1,53	114,04%	95,21%
<b>VII</b>	<b>Các chỉ tiêu khác</b>					
<b>1</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>					
	- Số lao động cuối kỳ	Người	65	63	96,92%	96,92%
	- Năng suất lao động (tính theo DT)	Trđ/ng/tháng	2.269,85	2.340,04	103,09%	84,64%
<b>2</b>	<b>Thực hiện đào tạo</b>	<b>Lượt người</b>	<b>105</b>	<b>159</b>	<b>151,43%</b>	<b>67,09%</b>
<b>3</b>	<b>Kinh phí thực hiện đào tạo</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>0,15</b>	<b>0,05</b>	<b>36,53%</b>	<b>25,58%</b>



**PHẦN II**  
**KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020**

**I. Các chỉ tiêu chủ yếu**

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
<b>I</b>	<b>SẢN LƯỢNG KINH DOANH</b>	<b>Tấn</b>	<b>272.500</b>
1	Sản phẩm do PVFCCo sản xuất	Tấn	212.500
	- Ure Phú Mỹ	Tấn	185.000
	- NPK Phú Mỹ	Tấn	27.500
2	Sản phẩm do PVFCCo nhập khẩu	Tấn	45.000
	- Kali PM	Tấn	45.000
3	Các loại phân bón do đơn vị tự kinh doanh/Nhập khẩu	Tấn	15.000
<b>II</b>	<b>TỔNG DOANH THU</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2.073,22</b>
<b>III</b>	<b>TỔNG CHI PHÍ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2.059,87</b>
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>13,34</b>

**II. Giải pháp thực hiện**

- Trước sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt trong lĩnh vực kinh doanh phân bón cũng như phân tích những mối nguy có khả năng đe dọa làm giảm thị phần phân bón Phú Mỹ tại khu vực ĐBSCL, cùng với những tác động bất lợi của khí hậu, thủy văn tại khu vực được dự báo trong năm 2020, Ban giám đốc sẽ tiếp tục hoàn thiện hơn nữa các giải pháp nhằm nâng cao năng lực trong công tác quản lý, điều hành. Đẩy mạnh công tác rà soát chi phí, tập trung nguồn lực kinh doanh sản phẩm phân bón Phú Mỹ hiệu quả cao nhất, nhất là trong tình hình cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.
- Duy trì có hiệu quả cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động, công cụ quản lý; nâng cao hiệu quả công tác tự đào tạo, đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu SXKD. Đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, đào tạo cán bộ, đội ngũ lao động trực tiếp nhằm đáp ứng được yêu cầu thực tế.
- Bám sát chiến lược phát triển được phê duyệt để tổ chức thực hiện một cách quyết liệt, đồng bộ. Tập trung mọi nguồn lực để triển khai hiệu quả chiến lược đã đề ra. Công ty Tây Nam Bộ đề ra một số giải pháp cơ bản để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch như sau:

**1. Quản lý tài chính**

Công ty tiếp tục thực hiện quản lý chặt chẽ công nợ theo từng khách hàng thông qua định mức, thường xuyên cập nhật tình hình tài chính của các Đại lý/CH thông qua các kênh thông tin để phòng ngừa các rủi ro có thể xảy ra, chú ý đến việc luân chuyển vốn nhanh để giảm bớt chi phí sử dụng vốn. Đồng thời quản lý chặt chẽ việc thực hiện tiết giảm chi phí tối đa trong toàn bộ hoạt động kinh doanh, góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty. Bên cạnh đó chấp hành nghiêm chỉnh công tác báo cáo và công bố thông tin theo đúng quy chế công bố thông tin nhằm tạo sự minh bạch đối với cổ đông.

**2. Công tác tổ chức nhân sự và đào tạo**

- Tiếp tục sắp xếp và kiện toàn lại cơ cấu tổ chức cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, sao cho tổ chức tinh gọn, tiết kiệm và hiệu quả nhất.

- Đảm bảo giữ vững thu nhập của người lao động trong công ty để ổn định và giữ chân lao động có năng lực, đặc biệt đối với lao động khối trực tiếp.
- Chú trọng đến đào tạo nâng cao trình độ quản lý cho các cán bộ nguồn. Thực hiện đào tạo nội bộ nâng cao và đa dạng hóa các kỹ năng cho CBTT, đặc biệt là kỹ năng bán hàng, đảm bảo lực lượng CBTT đồng nhất, chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo.
- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng bán hàng cho đội ngũ cán bộ thị trường đảm bảo sự đồng bộ, chuyên nghiệp trong giao tiếp, thuyết phục khách hàng.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên môn, luân chuyển hoặc tuyển mới nhân sự có năng lực và kinh nghiệm về lĩnh vực nông nghiệp bổ sung vào lực lượng nhân viên kinh doanh trực tiếp.
- Tiếp tục cải tiến chính sách trả lương, thưởng để khuyến khích các CBTT đạt doanh số cao, phát triển thị trường mới.
- Tăng cường số lượng CBTT đi bán hàng trực tiếp, đặc biệt là đối với sản phẩm NPK Phú Mỹ do đặc thù các đại lý khu vực TNB gần như không có đội ngũ tiếp thị, bán hàng, những đại lý có tổ chức lực lượng này thì họ lại có sản phẩm NPK riêng của họ.
- Triển khai xây dựng phần mềm hỗ trợ công tác giám sát hoạt động của CBTT đồng thời thống kê thông tin thị trường, nhu cầu vụ mùa bổ sung thông tin giúp đội ngũ CBTT đủ khả năng tư vấn cho đại lý, cửa hàng và nông dân.

### 3. Công tác kinh doanh

#### - Sản phẩm và Nguồn hàng

+ NPK Phú Mỹ:

##### ▪ Phối hợp để:

- Giám sát chặt chẽ chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường.
- Đưa hàng sâu xuống các kho đại lý, đảm bảo sẵn sàng nguồn hàng khi khách hàng có nhu cầu, tuy nhiên cũng cần cân đối hợp lý để kiểm soát được chất lượng sản phẩm.
- Đề nghị đa dạng công thức, mẫu bao để kiểm soát luồng hàng trong hệ thống, xuống địa bàn nhằm xây dựng hệ thống phân phối ổn định, hiệu quả.

+ Các sản phẩm khác:

- Giám sát chặt chẽ khâu giao nhận, đóng gói, vận chuyển và bốc xếp để đảm bảo chất lượng hàng hóa khi đến tay người nông dân.
- Đối với Ure, tăng cường đưa hàng sâu xuống Đại lý/địa bàn để đảm bảo sẵn sàng nguồn hàng, giảm chi phí, giảm tình trạng bán lẻ vùng, xuyên vùng, bên cạnh đó phải đảm bảo kiểm soát được các yếu tố rủi ro.
- Tiếp tục thực hiện đưa hàng xá về đóng gói tại kho Cái Cui đối với Kali.
- + Các sản phẩm tự khai thác: chủ động và phối hợp với Ban Kinh doanh tìm kiếm nguồn hàng chất lượng vừa phải với giá cạnh tranh để gia tăng lợi nhuận và phục vụ phân khúc bình dân với đối tượng chính là cây lúa.

#### - Hệ thống phân phối và chính sách bán hàng

##### 👇 Về Hệ thống phân phối

- + Thường xuyên rà soát hệ thống phân phối hiện hữu để có những điều chỉnh, chính sách kịp thời, nghiên cứu xây dựng hệ thống phân phối NPK riêng nhằm tập trung và hướng các chính sách đến cửa hàng bán lẻ và bà con nông dân.
- + Tiếp tục phát triển kênh bán Ure PM hàng nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất phân bón và hộ công nghiệp lớn, tuy nhiên phải xây dựng chính sách giá hợp lý, đảm bảo cạnh tranh với hàng nhập khẩu và ure Ninh Bình vì kênh này không quan tâm đến yếu



tổ thương hiệu, xây dựng chính sách giá giao hàng đến tận nhà máy tùy theo địa điểm của nhà máy để đảm bảo cạnh tranh.

- + Rà soát, tăng cường chất lượng hệ thống cửa hàng cấp 2 hoặc mở mới tại các khu vực còn trống để có thể đảm đương lượng hàng tiêu thụ khá lớn các mặt hàng NPK Phú Mỹ với sản lượng tiêu thụ bình quân 100-200 tấn/năm/cửa hàng. Kiên trì mục tiêu phân vùng phân phối đối với sản phẩm NPK PM và DAP PM để đảm bảo lợi nhuận phân phối ổn định, lâu dài của hệ thống.
- + Tiếp tục triển khai kênh bán trực tiếp vào các nông trường, hợp tác xã và các cửa hàng lớn tại các vùng không có đại lý hoặc đại lý chưa phân phối.
- + Tiếp cận các dự án trang trại, nông nghiệp lớn của các doanh nghiệp đầu tư tại khu vực TNB để tìm hiểu nhu cầu, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp để bán trực tiếp cho đối tượng này.

#### **Về chính sách bán hàng**

- + Định hướng giá bán các sản phẩm phân bón Phú Mỹ của các đại lý đảm bảo phù hợp với thị trường và hạn chế xung đột trong hệ thống.
- + Xây dựng chính sách giá bán linh hoạt đối với các mặt hàng có công nợ, khuyến khích khách hàng thanh toán trước sẽ có lợi hơn để giảm công nợ, hạn chế rủi ro.
- + Đối với Kali xây dựng các mức giá bán khác nhau cho hàng thương mại, hàng đồ nguyên liệu đóng bao sản xuất nhằm đa dạng đối tượng khách hàng để tăng khối lượng tiêu thụ. Đối với NPK Phú Mỹ đảm bảo chính sách ổn định để đại lý triển khai các chương trình bán hàng dài hạn.
- + Tiếp tục thực hiện, đánh giá và có chính sách dựa theo quá trình tính điểm tích lũy tiêu thụ dành cho đại lý và cửa hàng đối với các sản phẩm, đảm bảo việc ghi nhận và tặng thưởng công bằng đối với việc đóng góp của khách hàng vào doanh số tiêu thụ của Công ty.
- + Sử dụng chính sách chiết khấu hiệu quả nhằm mục tiêu kích thích sản lượng, xây dựng mức chiết khấu với các tiêu chí:
  - Theo sản lượng tiêu thụ.
  - Tinh thần hợp tác trong những giai đoạn khó khăn, đặc biệt ưu tiên cho các đại lý chỉ phân phối sản phẩm phân bón Phú Mỹ mà không phân phối các sản phẩm tương tự của đối thủ cạnh tranh.

#### **Điều phối giao nhận**

- + Cải tiến chất lượng dịch vụ logistic đáp ứng yêu cầu cao của Khách hàng.
- + Thực hiện kế hoạch điều phối và giao nhận các sản phẩm đảm bảo mục tiêu đúng thời điểm.
- + Theo dõi, cập nhật tiến độ giao nhận của các phương tiện nhận hàng nhằm tăng cường công tác sang mạn tiết giảm chi phí và phục vụ công tác điều chuyển linh hoạt hơn với đáp ứng nhu cầu vụ mùa tại các khu vực tăng đột biến do thiếu hàng cục bộ.
- + Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát số lượng và chất lượng hàng gửi kho tại các đại lý và kho thuê ngoài nhằm hạn chế các rủi ro ở mức thấp nhất.
- + Phối hợp chặt chẽ công tác điều hàng và bán hàng sao cho thời gian lưu kho của phân bón Phú Mỹ là ngắn nhất.

#### **Tiếp thị Truyền thông và hậu mãi**

- + Phối hợp chặt chẽ với Ban NCPT & TT triển khai các chương trình hướng đến đối tượng nông dân nhằm truyền thông về qui mô sản xuất và chất lượng sản phẩm của PVFCCo như:



- Xây dựng các chương trình khuyến mãi với những phần quà thiết thực hoặc thấy ngay khi mua sản phẩm Phân bón Phú Mỹ.
- Tặng sản phẩm NPK Phú Mỹ do nhà máy sản xuất cho bà con dùng thử tại các khu vực sản xuất lớn về lúa và cây ăn trái.
- Thực hiện các chương trình tọa đàm với các diễn giả uy tín hay hội thảo, họp nhóm để tuyên truyền về chất lượng sản phẩm Phân bón Phú Mỹ.
- Quảng bá về bộ sản phẩm Phân bón Phú Mỹ trên các phương tiện: đài truyền hình địa phương, truyền thanh, bảng tuyên truyền tại các tuyến đường chính hay trên phương tiện vận chuyển của khách hàng.
- + Tiếp tục cải tiến các hình thức và nội dung hội thảo, tư vấn bán hàng thu hút đúng khách hàng mục tiêu.
- + Tăng cường các hoạt động tư vấn bán hàng trực tiếp, họp nhóm nông dân để có điều kiện đi sâu vào đúng đối tượng, giảm số lượng hội thảo nông dân.
- + Tuy nhiên công tác truyền thông phải cân nhắc nội dung, thông điệp và thời điểm sau khi chất lượng sản phẩm NPK đã được cải thiện, ổn định và đảm bảo được yêu cầu của người tiêu dùng.

#### 4. Công tác kế hoạch

PSW đã xây dựng kế hoạch tiêu thụ NPK Phú Mỹ theo chỉ đạo của cổ đông lớn là PVFCCo. Tuy nhiên, trong điều kiện thực tế thị trường khu vực ĐBSCL cũng như thực tế hình thức sản phẩm NPK Phú Mỹ chưa ổn định trong giai đoạn đầu đã tác động rất lớn trong thời gian qua, thì tính khả thi của kế hoạch trên là thách thức rất lớn. Ngoài ra, nhà máy NPK Phú Mỹ phải sản xuất ra được những dòng sản phẩm phù hợp với thị hiếu số đông của thị trường miền Tây, đạt chất lượng tốt, hình thức đẹp, không vón cục,....

Trước những khó khăn thực tế đã diễn ra trong quý 1/2020 ngoài những dự báo ban đầu khi được duyệt kế hoạch, nhằm phù hợp với tình hình thị trường khu vực, khả năng sản xuất của Nhà máy NPK (về dây công thức), PSW dự trù một vài kịch bản dự phòng để chủ động và linh hoạt trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch 2020 và sử dụng hiệu quả nhất nguồn lực của Công ty.

#### 5. Công tác đầu tư nghiên cứu

- Tham gia tích cực công tác phát triển sản phẩm mới dựa trên thông tin thị trường, nắm bắt thị hiếu khách hàng, thông tin sản phẩm, đối thủ tại khu vực. Phối hợp chặt chẽ với Ban NCPT & TT-PVFCCo thông tin ý tưởng, đề xuất nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu và định hướng thị trường nhằm đáp ứng kỳ vọng gia tăng hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.
- Đầu tư, nghiên cứu ứng dụng CNTT vào các hoạt động quản trị, quản lý hệ thống, bán hàng, logistic, v.v.

#### 6. Đầu tư xây dựng, mua sắm

Chỉ thực hiện khi có nhu cầu cần thiết và thực hiện đúng theo quy chế, quy định về đấu thầu nhằm tăng tính cạnh tranh và tiết kiệm chi phí cho Công ty.



**Trịnh Văn Khiêm**



### Phần 3 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### I. Đánh giá tình hình hoạt động của PSW trong năm 2019.

Năm 2019 là năm thứ chín PSW hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, là một năm với nhiều khó khăn và thách thức khi tình hình cạnh tranh phân bón ngày càng gay gắt, cung vượt cầu, diễn biến giá phân bón trên thị trường biến động bất thường đã ảnh hưởng đến lợi nhuận sản phẩm chủ lực của Công ty là Urê Phú Mỹ gây khó khăn rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh phân bón của Công ty. Trước những khó khăn trong năm 2019 với sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của cổ đông lớn PVFCCo, sự phối hợp và hỗ trợ của khách hàng, đối tác, sự ủng hộ của Cổ đông cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của HĐQT, BGĐ cũng như CBNV, PSW đã nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2019.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ thực hiện 2019/KH năm 2019
1	Sản lượng kinh doanh	Tấn	229.544	235.222	102,47%
2	Tổng doanh thu	Tỷ VNĐ	1.764,43	1.797,15	101,85%

#### II. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2019.

##### 1. Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT đã được ĐHĐCĐ bầu lại nhiệm kỳ 2016 – 2021 gồm 5 thành viên, trong đó 01 thành viên HĐQT chuyên trách và 4 thành viên HĐQT kiêm nhiệm cụ thể như sau:

1. Ông Phạm Quý Hiên - Chủ tịch HĐQT.
2. Ông Trịnh Văn Khiêm - Ủy Viên HĐQT - Giám đốc Cty.
3. Ông Lê Thanh Tùng - Ủy Viên HĐQT - P.Giám đốc Cty.
4. Ông Trần Tuấn Kiệt - Ủy Viên HĐQT - Phó Ban TC-KT PVFCCo.
5. Ông Nguyễn Công Bằng - Ủy Viên HĐQT - P.Giám đốc Cty.

Hoạt động của HĐQT được phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc PSW triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

##### 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2019, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn cụ thể sau:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban Giám đốc (BGĐ) về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Theo dõi và giám sát quá trình điều hành kinh doanh, thông qua hoạt động quản trị, giám sát trực tiếp và các báo cáo, văn bản của BGĐ gửi báo cáo HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với BGĐ trong những vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành kinh doanh.

HĐQT quản lý PSW đã thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ của HĐQT đã được quy định trong luật doanh nghiệp và trong Điều lệ PSW đã được ĐHĐCĐ thông qua.

**3. Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức Quản trị công ty của các thành viên hội đồng quản trị.**

Các thành viên HĐQT công ty đã tham gia khóa học về quản trị Công ty. Ngoài ra, Người công bố thông tin, Chủ tịch HĐQT đã tham gia các hội thảo chuyên đề về cập nhật luật, thông tư, quan hệ nhà đầu tư và quan hệ công chúng do UBCKNN, trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam tổ chức.

**4. Các giao dịch, lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của thành viên HĐQT trong năm 2019.**

- PSW áp dụng chế độ lương cho thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của PSW, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên của PSW.
  - Đối với các thành viên HĐQT và thành viên BKS không chuyên trách, Công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.
  - Tiền thưởng, phúc lợi và giao dịch khác của các thành viên HĐQT:
- a. Lương, thưởng, thù lao thành viên HĐQT năm 2019.

Stt	Họ tên	Chức danh	Tiền lương, + Thù lao	Tiền thưởng và phúc lợi từ quỹ KT-PL	Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng
1	Phạm Quý Hiên	CT. HĐQT	569.061.820	336.501.087	119.180.000	1.024.742.907
2	Trịnh Văn Khiêm	UV HĐQT kiêm GD	599.844.801	342.522.990	124.460.000	1.066.827.791
3	Lê Thanh Tùng	UV HĐQT kiêm P.GD	515.898.050	272.922.629	107.203.000	896.023.679
4	Nguyễn Công Bằng	UV HĐQT kiêm P.GD	489.011.210	253.672.997	92.199.000	834.883.207
5	Trần Tuấn Kiệt	UV HĐQT	48.000.000			48.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.221.815.881</b>	<b>1.205.619.703</b>	<b>443.042.000</b>	<b>3.870.477.584</b>

- b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (không).
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Cổ đông DPM hợp đồng mua bán phân bón và dịch vụ quảng cáo, tư vấn kỹ thuật.

*(Bảng kê chi tiết các giao dịch với cổ đông nội bộ được liệt kê cụ thể trong Báo cáo thường niên năm 2019 đã được đăng tải trên website của PSW).*

**5. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:** HĐQT đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị doanh nghiệp của pháp luật.

**III. Tổng kết các phiên họp và các nghị quyết của HĐQT năm 2019**

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp HĐQT, 9 lần lấy ý kiến HĐQT. HĐQT đã đề ra nhiều giải pháp nhằm định hướng, hỗ trợ cho BGĐ PSW trong hoạt động kinh doanh, cũng như các hoạt động quản trị khác của PSW. HĐQT chỉ đạo, xem xét, giám sát thông qua các báo cáo hoạt động kinh doanh theo tháng/quý trong năm 2019 của BGĐ, đồng thời hỗ trợ trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ, cụ thể như sau:

- Ban hành kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2019.
- Chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019.



- Phê duyệt kế hoạch, giám sát và chỉ đạo BGĐ thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019.
- Chi trả cổ tức năm 2018: 6% mệnh giá cổ phiếu.
- Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền ĐHĐCĐ.
- Quyết định về việc phê duyệt và ban hành định mức hàng tồn kho và nợ phải thu của Công ty cổ phần Phân bón & HCDK Tây Nam Bộ
- Nghị quyết thông qua định mức đầu tư tiền gửi tại các TCTD và phê duyệt kế hoạch dòng tiền năm 2019 của PSW.
- Quyết định về việc tái bổ nhiệm Giám đốc Công ty.
- Nghị quyết chủ trương chuyển nhượng kho Thanh Bình - Đồng Tháp của Công ty.
- Nghị quyết chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty.
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm 2020.
- Và thực thi các quyền và nghĩa vụ khác thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của HĐQT.

#### **IV. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và các thành viên trong BGĐ.**

- Giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Giám đốc phụ trách theo mảng để triển khai thực hiện.
- BGĐ đã tổ chức triển khai tốt các nghị quyết, quyết định của HĐQT để mang lại hiệu quả cao nhất cho PSW trong năm 2019.
- BGĐ đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, quy chế, quy định trong hoạt động điều hành kinh doanh.
- BGĐ đã chỉ đạo các Phòng chức năng trực thuộc rà soát, bổ sung, cập nhật quy chế, quy trình, quy định để ban hành phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế trong kinh doanh.
- BGĐ đã chủ động thực hiện đẩy mạnh công tác thị trường, hệ thống phân phối, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh PSW với khách hàng và bà con nông dân trong khu vực.

#### **V. Kế hoạch và định hướng của HĐQT trong năm 2020.**

Bối cảnh giá dầu thế giới diễn biến phức tạp, giá phân bón thế giới và trong nước có chiều hướng biến động giảm, thị trường phân bón tại khu vực ĐBSCL cạnh tranh khốc liệt. Bên cạnh đó, sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hạn hán, giá nông sản với nhiều thách thức trong sản xuất và tiêu thụ nông sản và ảnh hưởng của dịch Covid-19. Tất cả những yếu tố trên sẽ là những khó khăn, thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp kinh doanh phân bón trong việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Nhận định những khó khăn thách thức đó, HĐQT cùng BGĐ PSW sẽ nỗ lực trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ năm 2020 giao:

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	Sản lượng kinh doanh	Tấn	<b>272.500</b>
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.073,22
3	Tổng Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13,34
4	Chi trả cổ tức	%	6

- Hội đồng Quản trị đề ra phương hướng hoạt động năm 2020 như sau:
- Tiếp tục tổ chức bộ máy và hoạt động của HĐQT chuyên nghiệp, trách nhiệm. Phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể nhằm tăng hiệu quả hoạt động của HĐQT.
- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2020 do ĐHĐCĐ thông qua.

- Giám sát các hoạt động của BGĐ và các cán bộ quản lý Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của PSW đạt được mục tiêu, hoàn thành nhiệm vụ và phát triển bền vững. Bảo vệ và phát triển uy tín, hình ảnh và thương hiệu các sản phẩm của PSW cung cấp tới khách hàng và nông dân.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường và lấy ý kiến để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Rà soát, cập nhật và cụ thể hóa chiến lược phát triển PSW đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.
- Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, chỉnh sửa các quy chế, quy định, quy trình đang áp dụng tại PSW cho phù hợp với luật pháp và tình hình thực tế. Chú trọng trong việc hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, bộ máy PSW và nhân sự có chất lượng cao, có trình độ chuyên môn vững vàng và phù hợp để đảm bảo tối ưu hóa kết quả hoạt động PSW.
- Chỉ đạo và giám sát thực hiện hiệu quả chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020.
- Quan tâm và bảo vệ tối đa quyền lợi hợp pháp cho cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác được ĐHĐCĐ giao.

Trên đây là báo cáo về công tác quản trị năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 của HĐQT PSW. HĐQT cam kết sẽ thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng để đáp ứng sự mong đợi của cổ đông, đem lại lợi ích cao nhất cho PSW.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Quý Hiền**



## Phần 4- BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ TỜ TRÌNH VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS).
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2019 của PSW đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

BKS trân trọng báo cáo trước ĐHĐCĐ tình hình hoạt động năm 2019 của PSW và công tác thực hiện nhiệm vụ của HĐQT và Ban Giám đốc (BGĐ) trong năm 2019.

### I. Hoạt động của BKS năm 2019

#### 1. Trong năm 2019, BKS đã thực hiện:

- Giám sát việc tuân thủ theo quy định của Điều lệ PSW đối với hoạt động của HĐQT và BGĐ. Giám sát việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ; tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019. Giám sát trình tự, thủ tục ban hành các quy chế của PSW.
- Kiểm tra tính hợp lý trong tổ chức công tác lập báo cáo tài chính.
- Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập trước khi HĐQT chấp thuận.
- Trong năm 2019, BKS đã họp 4 lần với các nội dung:
  - Thẩm định số liệu trên báo cáo tài chính 2018 của Công ty.
  - Thẩm định số liệu trên báo cáo tài chính quý 1/2019.
  - Thẩm định số liệu trên báo cáo tài chính quý 2/2019.
  - Thẩm định số liệu trên báo cáo tài chính quý 3/2019.

#### 2. Thù lao và các khoản thu nhập khác của BKS

Stt	Họ tên	Đvt	Chức danh	Thù lao
1	Mai Hồng Khánh	Đồng	T.BKS	42.000.000
2	Bùi Trịnh Vân Anh	Đồng	TV.BKS	30.000.000
3	Phạm Thị Á Châu	Đồng	TV.BKS	30.000.000

### II. Tình hình tài chính và hoạt động của PSW năm 2019

**Bảng 1: Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	31/12/2019	01/01/2019
<b>A.TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>217.984.722.415</b>	<b>257.042.735.701</b>
<b>I.Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>38.923.380.669</b>	<b>4.169.402.501</b>
1. Tiền	111	V.01	3.823.380.669	4.169.402.501
2.Các khoản tương đương tiền	112		35.100.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02	<b>20.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>
1.Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	50.000.000.000
<b>III.Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>77.552.606.803</b>	<b>84.592.166.108</b>
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		72.684.091.792	79.389.437.057
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.501.450.000	3.882.950.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	31/12/2019	01/01/2019
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		367.065.011	1.319.779.051
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>81.493.973.710</b>	<b>118.091.259.167</b>
1.Hàng tồn kho	141	V.04	83.069.608.337	119.058.385.831
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	149		-1.575.634.627	-967.126.664
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.761.233</b>	<b>189.907.925</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.761.233	189.907.925
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.05	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200=210+220+230+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>23.576.579.942</b>	<b>23.969.820.045</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	V.06	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.07	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định (220=221 + 224 + 227)</b>	<b>220</b>		<b>22.069.050.240</b>	<b>21.982.760.988</b>
<b>1.Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	V.08	<b>6.963.744.083</b>	<b>6.763.461.752</b>
- Nguyên giá	222		36.325.672.613	35.778.126.867
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		-29.361.928.530	-29.014.665.115
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>	V.09	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	V.10	<b>15.105.306.157</b>	<b>15.219.299.236</b>
- Nguyên giá	228		15.361.945.425	15.361.945.425
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-256.639.268	-142.646.189
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.12	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>1.388.053.974</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.388.053.974
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.507.529.702</b>	<b>599.005.083</b>
1. Chi Phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.507.529.702	599.005.083
2.Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>241.561.302.357</b>	<b>281.012.555.746</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>43.733.492.495</b>	<b>77.763.043.398</b>



CHỈ TIÊU	Mã số	TM	31/12/2019	01/01/2019
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>43.733.492.495</b>	<b>77.763.043.398</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		14.930.320.701	57.203.989.156
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		18.277.847.550	8.268.856.675
3. Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	313		752.245.456	1.401.278.448
4. Phải trả cho người lao động	314		5.582.595.764	6.396.639.768
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.157.129.231	424.978.523
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		194.200.000	254.400.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.839.153.793	3.812.900.828
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>197.827.809.862</b>	<b>203.249.512.348</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>197.827.809.862</b>	<b>203.249.512.348</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	41A		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	41B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.928.985.693	18.928.985.693
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.898.824.169	14.320.526.655
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	42A		4.120.526.655	5.571.219.864
- LNST chưa phân phối kỳ này	42B		4.778.297.514	8.749.306.791
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>241.561.302.357</b>	<b>281.012.555.746</b>



**Bảng 2: Kết quả kinh doanh hợp nhất****Đơn vị tính: VNĐ**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	1.805.466.854.941	2.304.809.158.493
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		16.388.114.950	17.335.397.278
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.789.078.739.991	2.287.473.761.215
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.27	1.742.348.861.790	2.232.166.655.522
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		46.729.878.201	55.307.105.693
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	3.445.853.224	4.724.284.113
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	94.267.904	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		94.258.904	0
8. Chi phí bán hàng	24		29.400.264.260	29.499.845.994
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.599.077.094	21.240.218.744
10. Lợi nhuận thuần (lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		3.082.122.167	9.291.325.068
11. Thu nhập khác	31		4.420.546.481	4.465.655.184
12. Chi phí khác	32		0	36
13. Lợi nhuận (lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		4.420.546.481	4.465.655.148
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.502.668.648	13.756.980.216
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	1.513.100.770	2.766.541.944
16. (Thu nhập) chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.30	0	0
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.989.567.878	10.990.438.272

PSW đã thực hiện các báo cáo và công bố thông tin định kỳ theo quy định trên website PSW.

### III. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ quản lý của HĐQT

Năm 2019, HĐQT họp 4 lần và lấy ý kiến thành viên HĐQT 09 lần để chỉ đạo, xem xét, giám sát các báo cáo hoạt động kinh doanh theo tháng/quý trong năm 2019 của BGD trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT.

Ngày 27/02/2019 Công ty đã ban hành Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2018 là 6%/mệnh giá cổ phần.

### IV. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của BGD

Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, PSW đã hoàn thành kế hoạch điều chỉnh HĐQT giao.

BGD có thực hiện phân công cho các thành viên trong BGD, trao đổi công việc để tìm giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh của PSW. Việc quản lý, điều hành vẫn đảm bảo mang lại lợi nhuận cho PSW và lợi ích cho cổ đông.

### V. Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2020

- ✚ Giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2020.
- ✚ Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy chế/quy định của PSW trong hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp.
- ✚ Giám sát việc thực hiện các nghị quyết/quyết định/chỉ đạo của ĐHĐCĐ/HĐQT tại PSW
- ✚ Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã được HĐQT giao và ĐHĐCĐ phê duyệt.

- ✦ Thẩm định báo cáo tài chính quý/6 tháng/năm.
- ✦ Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý đã được HĐQT giao.
- ✦ Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo quy định.

## VI. Kiến nghị

Nhìn chung, thị trường phân bón trong năm 2019 gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2019.

Dù vậy, để đảm bảo sự phát triển, giữ vững thị phần tại khu vực và thực hiện tốt chiến lược phát triển của Công ty, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- ✦ Công ty tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro.
- ✦ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và dự báo thị trường, cập nhật thường xuyên sự biến đổi khí hậu như tình hình thay đổi mùa vụ, ảnh hưởng của khô hạn, ngập mặn để quyết định chính sách bán hàng phù hợp thị trường, giảm thiểu thời gian lưu kho hàng hóa, gia tăng lợi nhuận cho Công ty.
- ✦ Kiểm soát chặt chẽ, thường xuyên rà soát, đánh giá năng lực tài chính của khách hàng và thu hồi đầy đủ, kịp thời các khoản công nợ phải thu khách hàng.

## VII. Lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2020

Xét năng lực, uy tín và để phù hợp trong việc hợp nhất báo cáo tài chính toàn ngành và PVFCCo. BKS PSW kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT, BKS lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020: (1) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, (2) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và (3) Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam.





## **Phần 5 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019**

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Quý Hiền	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Khiêm	Ủy viên
Ông Lê Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Công Bằng	Ủy viên
Ông Trần Tuấn Kiệt	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Văn Khiêm	Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Công Bằng	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Trịnh Văn Khiêm**  
**Giám đốc**

*Ngày 28 tháng 02 năm 2020*  
*Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam*



Số: /VN1A-HN-BC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2020, từ trang 04 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

---

**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 02 năm 2020

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**Nguyễn Công Cường**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3992-2017-001-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>217.984.722.415</b>	<b>257.042.735.701</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>38.923.380.669</b>	<b>4.169.402.501</b>
1. Tiền	111		3.823.380.669	4.169.402.501
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.100.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	50.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>77.552.606.803</b>	<b>84.592.166.108</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	72.684.091.792	79.389.437.057
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.501.450.000	3.882.950.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	367.065.011	1.319.779.051
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>81.493.973.710</b>	<b>118.091.259.167</b>
1. Hàng tồn kho	141		83.069.608.337	119.058.385.831
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.575.634.627)	(967.126.664)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.761.233</b>	<b>189.907.925</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	14.761.233	189.907.925
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>23.576.579.942</b>	<b>23.969.820.045</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.069.050.240</b>	<b>21.982.760.988</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.963.744.083	6.763.461.752
- Nguyên giá	222		36.325.672.613	35.778.126.867
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.361.928.530)	(29.014.665.115)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	15.105.306.157	15.219.299.236
- Nguyên giá	228		15.361.945.425	15.361.945.425
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(256.639.268)	(142.646.189)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>			<b>1.388.053.974</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.388.053.974
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.507.529.702</b>	<b>599.005.083</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.507.529.702	599.005.083
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>241.561.302.357</b>	<b>281.012.555.746</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

**U SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>43.733.492.495</b>	<b>77.763.043.398</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>43.733.492.495</b>	<b>77.763.043.398</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	14.930.320.701	57.203.989.156
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	18.277.847.550	8.268.856.675
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	752.245.456	1.401.278.448
4. Phải trả người lao động	314		5.582.595.764	6.396.639.768
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.157.129.231	424.978.523
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	194.200.000	254.400.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.839.153.793	3.812.900.828
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>197.827.809.862</b>	<b>203.249.512.348</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>197.827.809.862</b>	<b>203.249.512.348</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.000.000.000	170.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.928.985.693	18.928.985.693
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.898.824.169	14.320.526.655
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.120.526.655	5.571.219.864
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.778.297.514	8.749.306.791
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>241.561.302.357</b>	<b>281.012.555.746</b>

Lê Thị Diễm Chi  
Người lập biểu

Nguyễn Thành Công  
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Khiêm  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2020

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.805.466.854.941	2.304.809.158.493
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	16.388.114.950	17.335.397.278
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	10		<b>1.789.078.739.991</b>	<b>2.287.473.761.215</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	1.742.348.861.790	2.232.166.655.522
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	20		<b>46.729.878.201</b>	<b>55.307.105.693</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	3.445.853.224	4.724.284.113
7. Chi phí tài chính	22		94.267.904	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		94.258.904	-
8. Chi phí bán hàng	25	25	29.400.264.260	29.499.845.994
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	17.599.077.094	21.240.218.744
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	30		<b>3.082.122.167</b>	<b>9.291.325.068</b>
11. Thu nhập khác	31	24	4.420.546.481	4.465.655.184
12. Chi phí khác	32		-	36
13. <b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	40		<b>4.420.546.481</b>	<b>4.465.655.148</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	50		<b>7.502.668.648</b>	<b>13.756.980.216</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	1.513.100.770	2.766.541.944
16. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	60		<b>5.989.567.878</b>	<b>10.990.438.272</b>
17. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	27	<b>281</b>	<b>515</b>

Lê Thị Diễm Chi  
Người lập biểu

Nguyễn Thành Công  
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Khiêm  
Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.502.668.648	13.756.980.216
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.810.323.646	4.231.240.675
Các khoản dự phòng	03	608.507.963	967.126.664
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	9.000	(142.500)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.836.272.306)	(5.304.598.915)
Chi phí lãi vay	06	94.258.904	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.179.495.855	13.650.606.140
Thay đổi các khoản phải thu	09	6.278.891.359	(20.103.004.919)
Thay đổi hàng tồn kho	10	35.988.777.494	5.837.400.593
Thay đổi các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(32.160.408.211)	(57.106.990.087)
Thay đổi chi phí trả trước	12	654.676.047	1.325.314.377
Tiền lãi vay đã trả	14	(94.258.904)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.112.373.706)	(1.508.853.904)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.185.017.399)	(1.653.357.942)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12.549.782.535	(59.558.885.742)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.380.490.284)	(1.285.226.364)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	598.373.747	1.481.882.002
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	(50.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	50.000.000.000	20.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.294.521.170	3.956.322.016
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	32.512.404.633	(25.847.022.346)



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	48.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(48.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.308.200.000)	(17.208.480.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(10.308.200.000)</b>	<b>(17.208.480.000)</b>
 <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	 <b>50</b>	 <b>34.753.987.168</b>	 <b>(102.614.388.088)</b>
 <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	 <b>60</b>	 <b>4.169.402.501</b>	 <b>106.783.648.089</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(9.000)	142.500
 <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	 <b>70</b>	 <b>38.923.380.669</b>	 <b>4.169.402.501</b>

0072  
CÔNG  
TỔ PH  
BÓN V  
T DÂN  
Y NAM  
TƯ-T

## **Phần 6 - TỜ TRÌNH VỀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ vào Điều lệ PSW đã được ĐHĐCĐ thông qua;

Căn cứ vào quy chế quản lý tài chính PSW đã được HĐQT ban hành.

Để có cơ sở trích lập các quỹ cho hoạt động của PSW và trả cổ tức cho các cổ đông, PSW kính đề nghị ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 (Đính kèm phụ lục A).
2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 (Đính kèm phụ lục B).

Kính đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và biểu quyết thông qua các phương án phân phối lợi nhuận trên.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Quý Hiên**

**PHỤ LỤC A**  
**PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2019**

Đvt : đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế năm 2019</b>	<b>7.502.668.648</b>
<b>II</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế năm 2019</b>	<b>5.989.567.878</b>
1	Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch	5.856.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch	133.567.878
<b>III</b>	<b>Trích lập các quỹ trong năm 2019 như sau</b>	<b>1.211.270.364</b>
	<b>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>1.211.270.364</b>
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20% LNST)	1.197.913.576
1.1	Quỹ khen thưởng	838.539.503
1.2	Quỹ phúc lợi	359.374.073
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích bổ sung 10% LNST vượt KH	13.356.788
2.1	Quỹ khen thưởng	9.349.752
2.2	Quỹ phúc lợi	4.007.036
<b>IV.</b>	<b>Lợi nhuận còn lại sau phân phối các Quỹ</b>	<b>4.778.297.514</b>
<b>V.</b>	<b>Lợi nhuận các năm trước chuyển sang</b>	<b>5.571.219.864</b>
<b>VI.</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>17.000.000</b>
<b>VII.</b>	<b>Tỷ lệ chia cổ tức năm 2019 (5%)</b>	<b>8.500.000.000</b>
<b>VIII.</b>	<b>Lợi nhuận chuyển sang năm sau</b>	<b>1.849.517.378</b>

01-  
 HÓA  
 KHÍ  
 BỘ  
 CÁN



**PHỤ LỤC B**  
**KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2020**

*Đvt: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
<b>I.</b>	<b>Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2020</b>	<b>10.675.464.000</b>
<b>II.</b>	<b>Kế hoạch trích lập các quỹ</b>	<b>2.135.092.800</b>
	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (20%LNST)	2.135.092.800
	Trong đó:	
1	Quỹ khen thưởng (70% LNST)	1.494.564.960
2	Quỹ phúc lợi (30% LNST)	640.527.840
<b>III.</b>	<b>Lợi nhuận năm trước chuyển sang</b>	<b>1.849.517.378</b>
<b>IV.</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối năm 2020</b>	<b>10.389.888.578</b>
<b>V.</b>	<b>Tỷ lệ chia cổ tức (6%)</b>	<b>10.200.000.000</b>
<b>VI.</b>	<b>Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau</b>	<b>189.888.578</b>

**\* Lưu ý :**

Trường hợp lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch được giao, cho phép Công ty được trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi là 10% trên lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.

**Phần 7 - BÁO CÁO LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020**

**I. Báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2019.**

Dự toán Kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của HĐQT, BGĐ, BKS năm 2019 được ĐHCĐ thông qua: 4.228.000.000 đồng.

Báo cáo kết quả thực hiện năm 2019 như sau:

Stt	Họ tên	Chức danh	Tiền lương, + Thù lao	Tiền thưởng và phúc lợi từ quỹ KT-PL	Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng
<b>I.</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>					
1	Phạm Quý Hiền	CT. HĐQT	569.061.820	336.501.087	119.180.000	1.024.742.907
2	Trịnh Văn Khiêm	UV HĐQT kiêm GĐ	599.844.801	342.522.990	124.460.000	1.066.827.791
3	Lê Thanh Tùng	UV HĐQT kiêm P.GĐ	515.898.050	272.922.629	107.203.000	896.023.679
4	Nguyễn Công Bằng	UV HĐQT kiêm P.GĐ	489.011.210	253.672.997	92.199.000	834.883.207
5	Trần Tuấn Kiệt	UV HĐQT	48.000.000			48.000.000
<b>II.</b>	<b>Ban kiểm soát</b>					
1	Mai Hồng Khánh	T.BKS	42.000.000			42.000.000
2	Bùi Trịnh Vân Anh	TV.BKS	30.000.000			30.000.000
3	Phạm Thị Á Châu	TV.BKS	30.000.000			30.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.323.815.881</b>	<b>1.205.619.703</b>	<b>443.042.000</b>	<b>3.972.447.584</b>

**II. Kế hoạch về tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2020.**

Căn cứ theo tình hình thực hiện năm 2019, PSW dự kiến xây dựng kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của HĐQT, BGĐ, BKS năm 2020 là:

- Kế hoạch (lương, thưởng, thù lao): 3.780.968.800 đồng
- Dự phòng: 474.000.000 đồng
- Tổng cộng: 4.254.968.800 đồng

(Ghi chú: Dự phòng vượt lợi nhuận kế hoạch được giao cho phép Công ty được trích lương tối đa 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Quý Hiền**

**Phần 8 - TỜ TRÌNH THÔNG QUA NỘI DUNG ỦY QUYỀN CỦA ĐHĐCĐ CHO  
HĐQT PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY  
ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí  
Tây Nam Bộ

Căn cứ Điều lệ PSW đã được ĐHĐCĐ thành lập Công ty thông qua ngày 29/12/2010 và sửa đổi bổ sung ngày 12/04/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016 của ĐHĐCĐ của DPM về việc thông qua Chiến lược phát triển của DPM đến năm 2025, định hướng phát triển đến năm 2035 và kế hoạch 5 năm 2016 -2020;

Căn cứ Nghị quyết số 376/NQ-PBHC ngày 26/10/2011 của HĐQT DPM về việc thông qua Chiến lược phát triển của PSW đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2019 phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

Nhằm chủ động, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của PSW về chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng phát triển đến năm 2035 và kế hoạch 5 năm gần nhất, đáp ứng hoạt động kinh doanh trong tình hình mới, đảm bảo sự phát triển PSW bền vững, quyền lợi và lợi ích của Cổ đông. HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ xem xét và ủy quyền cho HĐQT tiếp tục rà soát, cập nhật để hoàn thiện và phê duyệt chiến lược Công ty.

1. Chiến lược phát triển đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035;
2. Các chiến lược chức năng;
3. Các kế hoạch phát triển chức năng trung và dài hạn.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Quý Hiên**